

# KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ CHĂM SÓC DINH DƯỠNG CHO NGƯỜI BỆNH CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI MỘT SỐ KHOA LÂM SÀNG BỆNH VIỆN NHỊ TRUNG ƯƠNG NĂM 2022

Nguyễn Thị Mai Anh<sup>1\*</sup>, Lê Bạch Mai<sup>2</sup>, Nguyễn Thị Họa<sup>1</sup>, Bùi Thị Ngọc Ánh<sup>1</sup>, Chu Anh Văn<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Bệnh viện Nhi Trung ương

<sup>2</sup>Đại học Thăng Long

## TÓM TẮT

**Đối tượng:** Nghiên cứu được tiến hành trên 210 điều dưỡng đang làm việc ở một số khoa lâm sàng tại Bệnh viện Nhi trung ương.

**Mục tiêu:** (1) Mô tả kiến thức, thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh của Điều dưỡng tại các khoa lâm sàng, Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2022 và (2) Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh.

**Kết quả:** Nghiên cứu (NC) cho thấy tỷ lệ điều dưỡng (ĐD) có kiến thức chung về chăm sóc dinh dưỡng đạt 58,6%, trong đó ĐD có thái độ tích cực đối với công tác chăm sóc dinh dưỡng là 83,8%. Chúng tôi nhận thấy ĐD có trình độ đại học, ĐD có thâm niên công tác trên 10 năm, với các chương trình đào tạo tập huấn, kiểm tra giám sát có tác động tích cực đến kiến thức, thực hành về chăm sóc dinh dưỡng của ĐD với mức ý nghĩa  $p < 0,05$ .

**Kết luận:** Kiến thức chung của ĐD về dinh dưỡng còn chưa cao. Có mối liên quan chặt chẽ giữa giữa trình độ đào tạo, thâm niên công tác, khối lượng công việc, đào tạo tập huấn, kiểm tra giám sát với kiến thức, thực hành về chăm sóc dinh dưỡng của ĐD.

**Từ khóa:** dinh dưỡng, điều dưỡng, kiến thức, thực hành, người bệnh.

## KNOWLEDGE AND PRACTICE ON NUTRITIONAL CARE OF NURSES AT THE VIETNAM NATIONAL CHILDREN'S HOSPITAL IN 2022

**Objective:** The study was conducted on 210 nurses working in several clinical departments at the National Children's Hospital.

**Subject:** (1) Describe Nursing's knowledge and practice of nutritional care for patients in clinical departments, Vietnam National Children's Hospital in 2022 and (2) Identify some factors related to nutritional care practices for patients.

**Results:** The study show that the proportion of nurses with general knowledge of nutrition care reached 58.6%, of which the percentage of nurses with a positive attitude towards nutrition care was 83.8%, We found that students with university degrees, students with more than 10 years of working seniority, with training programs, surveillance tests have a positive impact on their knowledge and practice of nutritional care with a significance level of  $p < 0.05$ .

**Conclusions:** General knowledge of nutrition is still not high. There is a close relationship between training level, seniority, workload, training training, supervision testing and knowledge and practice of nutritional care of diabetes.

**Keywords:** nutrition, nursing, knowledge, practice, patients.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dinh dưỡng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe và phát triển của trẻ em,

Nhận bài: 15-08-2023; Chấp nhận: 10-10-2023

Người chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Mai Anh

Email: maianhtna@gmail.com

Địa chỉ: Bệnh viện Nhi Trung ương

đặc biệt là trẻ bệnh. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), khoảng 45% tử vong trẻ em dưới 5 tuổi có liên quan đến dinh dưỡng kém. Tại Việt Nam, theo Báo cáo Quốc gia về Dinh dưỡng năm 2019, tỷ lệ suy dinh dưỡng còn cao ở các nhóm trẻ em có nguy cơ cao như trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em sống ở vùng sâu, vùng xa và trẻ em bị bệnh mãn tính.

Điều dưỡng là người có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ bệnh. ĐD không chỉ thực hiện các công việc liên quan đến dinh dưỡng như theo dõi tình trạng dinh dưỡng, phối hợp với bác sĩ trong việc kê đơn dinh dưỡng... mà còn có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn và giáo dục cho cha, mẹ và người chăm sóc về cách chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ sau khi xuất viện. Tuy nhiên, kiến thức và thực hành về chăm sóc dinh dưỡng của ĐD ở các khoa lâm sàng Bệnh viện Nhi Trung ương hiện nay có thể chưa được đánh giá một cách toàn diện và khách quan. Có thể có những hạn chế, thiếu sót trong việc chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ bệnh do thiếu kiến thức hoặc thực hành không đúng phương pháp. Vì vậy, việc NC kiến thức, thực hành về chăm sóc dinh dưỡng của điều dưỡng ở các khoa lâm sàng Bệnh viện Nhi Trung ương là rất cần thiết và ý nghĩa. Nghiên cứu này sẽ giúp đánh giá được thực trạng hiện nay về kiến thức, thực hành về chăm sóc dinh dưỡng của ĐD, từ đó đề xuất những giải pháp cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ bệnh. Nghiên cứu cũng sẽ góp phần vào việc xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho điều dưỡng trong lĩnh vực chăm sóc dinh dưỡng. Vì vậy chúng tôi tiến hành NC với 2 mục tiêu:

- Mô tả kiến thức, thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh của điều dưỡng tại các khoa lâm sàng, Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2022.

- Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu:

- ĐD đang làm việc trực tiếp tại các khoa lâm sàng

Tiêu chuẩn chọn mẫu: ĐD trực tiếp chăm sóc người bệnh (CSNB) vào thời điểm nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ:

- + ĐD học việc, ĐD nội trú.
- + Những ĐD không đồng ý tham gia nghiên cứu.

### 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Từ tháng 8/2022 đến tháng 2/2023, tại 13 khoa lâm sàng của Bệnh viện Nhi Trung ương.

### 2.3. Thiết kế NC

NC mô tả cắt ngang có phân tích (kết hợp NC định lượng và NC định tính).

### 2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Áp dụng công thức cỡ mẫu cho ĐTNC:

$$n = \frac{Z^2_{(1-\frac{\alpha}{2})} p(1-p)}{d^2}$$

Áp dụng công thức cỡ mẫu tính được  $n = 190$  ĐD. Thực tế, cỡ mẫu nghiên cứu là 210

- Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện. Chọn tất cả ĐD thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn tại 13 khoa lâm sàng, Bệnh viện Nhi Trung ương.

### 2.5. Công cụ đánh giá

Thông tin thu thập qua bộ công cụ của Kobe (2006)[3], Adeline.E.M (2014)[4], Celia L. (2016) [5], đồng thời tham khảo Thông tư "Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh năm 2011" của Bộ Y tế [1].

### 2.6. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu viên và nhóm NC phỏng vấn ĐD theo bộ câu hỏi thiết kế sẵn. Các NC viên đều được tập huấn về bộ câu hỏi để đảm bảo thu thập thông tin được chính xác và đồng nhất.

### 2.7. Phân tích số liệu

Số liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê trong y học SPSS 20.0.

### 2.8. Đạo đức nghiên cứu

Các đối tượng NC được giải thích kỹ, chỉ tiến hành phỏng vấn khi được sự đồng ý tự nguyện tham gia NC. Các thông tin và số liệu thu thập được bảo mật và chỉ được sử dụng vào mục đích NC.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Đặc điểm chung của Điều dưỡng tham gia nghiên cứu

Điều dưỡng trong NC chủ yếu là nữ chiếm 95,7%, với tuổi trung bình  $36,3 \pm 5,9$  trong đó nhóm tuổi từ 35 - 44 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất chiếm 67,6%. 80,9% ĐD có trình độ đại học, công tác trên 10 năm chiếm 70% và chủ yếu là ĐD đã vào biên chế chiếm 82,3%. Đa số ĐD chăm sóc từ 5 - 10 bệnh nhân/ngày. Có 77,1% ĐD tham gia đào tạo, tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng.

**3.2. Kiến thức, thực hành về dinh dưỡng của điều dưỡng cho người bệnh**

**Bảng 1.** Kiến thức, thực hành của điều dưỡng về dinh dưỡng

Các nội dung chung về dinh dưỡng		Kiến thức		Thực hành	
		SL	%	SL	%
<b>Kiến thức chung về CSDD</b>	Tốt	149	70,9	147	70,4
	Chưa tốt	61	29,1	63	29,6
<b>Biểu đồ tăng trưởng cho trẻ &lt; 5 tuổi</b>	Đạt	147	70,2	150	71,4
	Chưa đạt	63	29,8	60	28,6
<b>Các bước CSDD</b>	Đúng	160	76,2	159	75,7
	Sai	50	23,8	51	24,3
<b>Tư vấn DD cho phụ huynh</b>	Có	181	86,5	173	82,6
	Không	29	13,5	37	17,4
<b>Phối hợp với bác sĩ</b>	Tốt	155	73,7	165	78,6
	Chưa tốt	55	26,3	45	21,4

*Nhận xét:* Đa số ĐD có kiến thức chung về CSDD là tốt với đầy đủ các bước CSDD đúng, có nắm được biểu đồ tăng trưởng cho trẻ dưới 5 tuổi, phối hợp tốt với bác sĩ và có trách nhiệm tư vấn với gia đình người bệnh về chế độ dinh dưỡng theo đúng với tuổi, giới, tình trạng bệnh lý và tình trạng dinh dưỡng với tỷ lệ dao động từ 70,2% đến 86,5%.

**3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về dinh dưỡng của điều dưỡng**

**Bảng 2.** Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về dinh dưỡng

Đặc điểm đối tượng nghiên cứu		Tốt	Chưa tốt	OR (95%CI)	P
		SL(%)	SL(%)		
<b>Trình độ đào tạo</b>	Cao đẳng	10(66,7%)	5(33,3%)	0,27 (0,08 - 0,85)	0,018
	ĐH/ Sau ĐH	172(83,1%)	23(16,9%)		
<b>Thâm niên công tác</b>	<10 năm	32(50,8%)	31(49,2%)	0,39 (0,21 - 0,71)	0,002
	Từ 10 năm trở lên	107(72,8%)	40(27,2%)		
<b>Hình thức lao động</b>	Hợp đồng	20(54,0%)	17(46%)	0,41 (0,2 - 0,9)	0,016
	Biên chế	128(73,9%)	45(26,1%)		
<b>Số NB chăm sóc trung bình</b>	< 10 NB	132(92,3%)	11(7,7%)	38,2 (16,6 - 87,9)	0,000
	> 10 NB	16(23,9%)	51(76,1%)		
<b>Phối hợp với bác sĩ</b>	Có	135(84,3%)	25(15,7)	0,07 (0,03 - 0,15)	0,000
	Không	13(27,1%)	35(72,9%)		
<b>Đào tạo, tập huấn</b>	Có	135(78,5%)	37(21,5%)	2,38 (1,13 - 5,01)	0,021
	không	23(60,5%)	15(39,5%)		
<b>Kiểm tra, giám sát</b>	Có	110(73,3%)	40(26,7%)	2,57 (1,38 - 4,79)	0,002
	Không	31(51,7%)	29(48,3%)		

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Kiến thức, thực hành về chăm sóc dinh dưỡng của điều dưỡng

Chăm sóc dinh dưỡng là một phần quan trọng trong quản lý y tế của NB và đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện phòng, chống SDD tại các bệnh viện. Kết quả khảo sát cho thấy có 58,6% ĐD tham gia nghiên cứu có kiến thức đạt về chăm sóc dinh dưỡng và 41,4% ĐD chưa có kiến thức đạt. Kiến thức của ĐD trong nghiên cứu được đánh giá theo 5 nhóm: Kiến thức liên quan đến dinh dưỡng và SDD ở trẻ em; Kiến thức về đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em; Kiến thức về hỗ trợ dinh dưỡng; Kiến thức về chế độ ăn thường dùng và Kiến thức về nhiệm vụ chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em của ĐD. Kết quả NC của chúng tôi khá giống với kết quả NC của tác giả Chu Anh Văn tại Bệnh viện Nhi Trung ương [2]. Trong số ít những NC về kiến thức chăm sóc dinh dưỡng của ĐD, hầu hết các tác giả đều chỉ ra rằng ĐD có kiến thức ở mức độ trung bình và thấp: điểm số kiến thức thấp được báo cáo tại Kenyatta (2006) là 57% ĐD trả lời đúng các câu hỏi [3], tại Áo (2012) là 60,6%, tại Israel là 51,9% [6]. Như vậy có thể thấy kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng của ĐD là vấn đề cần quan tâm không chỉ ở Việt Nam mà cả ở các nước trên thế giới. Thực tế cho thấy, nội dung về chăm sóc dinh dưỡng có thể chưa được quan tâm và chủ yếu là lồng ghép vào các nội dung giảng dạy về chăm sóc của điều dưỡng. Mặc dù có tới 195 ĐD (92,9%) trong nghiên cứu này ở trình độ đại học và sau đại học, 172 ĐD (82%) đã được tập huấn, đào tạo về chăm sóc dinh dưỡng cho NB nhưng thời gian đào tạo ngắn, nội dung cung cấp thông tin còn hạn chế nên kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng chưa được như mong đợi. Kết quả Bảng 1 cho thấy, trên 80% ĐD phối hợp với bác sỹ để thực hiện các công tác chăm sóc cho NB. Về hoạt động hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn cho NB có 86,5% ĐD thực hiện tư vấn trong quá trình chăm sóc NB, 68,1% ĐD tư vấn cho NB khi ra viện. Kết quả này tương đồng với kết quả của Chu Anh Văn (85,9%) [2].

### 4.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành của điều dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng

Trong nghiên cứu này, chúng tôi nhận thấy trình độ đào tạo có liên quan mật thiết với kiến thức, thực hành của điều dưỡng về vấn đề chăm sóc dinh dưỡng. Điều dưỡng có trình độ đại học và sau đại học có kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng cao hơn, có tỷ lệ tuân thủ thực hành về dinh dưỡng tốt hơn điều dưỡng có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với ( $p < 0,05$ ; OR = 0,27). Kết quả của chúng tôi cũng tương tự như nghiên cứu của tác giả Chu Anh Văn. Điều này cho thấy, trình độ học vấn của ĐD tác động nhiều đến hành động của bản thân ĐD và kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của You L.M khi chỉ ra rằng có mối liên quan chặt chẽ giữa trình độ của ĐD đối với chất lượng chăm sóc NB [7]. Bên cạnh đó, điều dưỡng thuộc biên chế bệnh viện có kiến thức và kỹ năng thực hành về chăm sóc dinh dưỡng tốt hơn điều dưỡng hợp đồng, sự khác nhau này có ý nghĩa thống kê với ( $p < 0,05$ ). ĐD có thâm niên công tác từ 10 năm trở lên có tỷ lệ đạt thực hành chăm sóc dinh dưỡng tốt hơn với những người có thâm niên công tác dưới 10 năm. Điều này có thể lý giải vì điều dưỡng có thâm niên công tác trên 10 năm đa số thuộc biên chế bệnh viện. Với nhiều năm công tác họ được đào tạo liên tục, cùng với kinh nghiệm thực tế làm việc họ đã tích lũy được nhiều kiến thức nên sự hiểu biết về chăm sóc dinh dưỡng của họ cũng cao hơn các điều dưỡng hợp đồng, có thời gian làm việc ít hơn, kinh nghiệm làm việc ít hơn.

Xem xét các yếu tố về đặc điểm, tính chất công việc tác động đến thực hành chăm sóc dinh dưỡng của ĐD trong nghiên cứu chúng tôi thấy có mối liên quan giữa sự phối hợp giữa ĐD với thực hành chăm sóc về dinh dưỡng (Bảng 2). Tỷ lệ thực hành chăm sóc dinh dưỡng đạt trong nhóm ĐD phải chăm sóc dưới 10 NB/ngày cao gấp 38,2 lần so với nhóm ĐD phải chăm sóc trên 10 NB/ngày với ( $p=0,000$ ).

Trong nghiên cứu này đã tìm thấy có mối liên quan tích cực giữa đào tạo, tập huấn với thực hành chăm sóc dinh dưỡng (Bảng 3). Cụ thể nhóm ĐD được đào tạo, tập huấn có tỷ lệ thực hành đạt cao gấp 2,38 lần so với nhóm ĐD

không được tập huấn ( $p < 0,05$ ). Kết quả của chúng tôi tương đồng với kết quả của Chu Anh Văn, tác giả cho thấy những người tham gia đào tạo có thực hành tốt hơn cao gấp 3,76 lần những người không tham gia đào tạo [2]. Trên thực tế chất lượng chăm sóc thể hiện qua sự hiểu biết các kiến thức liên quan đến dinh dưỡng, ĐD có nhận thức vấn đề tốt thì thực hành mới tốt. Vì vậy việc đào tạo kiến thức cho ĐD là một trong các biện pháp quan trọng trong chiến lược nâng cao thực hành chăm sóc cho NB. Trong nghiên cứu của nhóm tác giả Martin L. cũng cho thấy có 98% ĐD cho rằng khi được đào tạo, cung cấp các kiến thức về dinh dưỡng sẽ giúp thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho NB đạt hiệu quả hơn. Nghiên cứu của Boaz M. cũng khẳng định việc đào tạo kiến thức dinh dưỡng sẽ cải thiện kiến thức đồng thời tăng sự tự tin và tính chủ động của ĐD trong việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng cũng như tư vấn dinh dưỡng cho NB từ đó làm thay đổi hành vi của NB và làm tăng sự hài lòng của NB [6].

Hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên cũng là một trong những yếu tố giúp cho hoạt động chăm sóc NB được thực hiện tốt hơn. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên sẽ giúp các nhà quản lý phát hiện ra được những sai sót mà bản thân ĐD không nhận ra, từ đó sẽ đánh giá được nguyên nhân và có kế hoạch cải thiện những hạn chế khi ĐD thực hiện chưa tốt. Hiện nay công tác kiểm tra giám sát được phòng Điều dưỡng triển khai thường xuyên. Kết quả Bảng 2 cho thấy, có mối liên quan giữa công tác kiểm tra giám sát đến thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho NB, nhóm ĐD được kiểm tra giám sát có tỷ lệ thực hành đạt cao gấp 2,57 lần so với nhóm không được kiểm tra giám sát ( $p=0,002$ ). Nghiên cứu của Chu Anh Văn cũng cho kết quả tương tự, nhóm ĐD được kiểm tra giám sát có tỷ lệ thực hành cao gấp 2,13 lần so với nhóm không được kiểm tra giám sát [2].

## V. KẾT LUẬN

- Kiến thức chung về chăm sóc dinh dưỡng đạt 58,6%, trong đó ĐD có thái độ tích cực đối với công tác chăm sóc dinh dưỡng là 83,8%.

- Điều dưỡng có trình độ từ đại học trở lên, ĐD có thâm niên công tác trên 10 năm thuộc biên chế của bệnh viện, với việc triển khai thường xuyên

các chương trình đào tạo tập huấn nâng cao kiến thức, có kiểm tra giám sát liên tục giúp nâng cao kiến thức, thực hành về chăm sóc dinh dưỡng của ĐD với mức ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế.** Thông tư số 07/2011/TT-BYT Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện ngày 26/01/2011.
2. **Chu Anh Văn.** Thực trạng chăm sóc dinh dưỡng của điều dưỡng viên các khoa lâm sàng và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2013, Luận văn thạc sĩ quản lý bệnh viện, Trường Đại học y tế công cộng 2013.
3. **Kobe JA.** Aspects of nutritional knowledge, attitudes, and practices of nurses working in the surgical division at the Kenyatta national hospital, Kenya. Published thesis, Department of Human Nutrition of the University of Stellenbosch, Stellenbosch 2006
4. **Munuo AE, Mugendi BW, Kisanga OA et al.** Nutrition knowledge, attitudes and practices among healthcare workers in management of chronic kidney diseases in selected hospitals in Dar es Sallam, Tanzania; a cross-sectional study. BMC Nutrition 2016;2:6. <https://doi.org/10.1186/s40795-016-0045-y>
5. **Laur C, Marcus H, Ray S et al.** Quality Nutrition Care: Measuring Hospital Staff's: Knowledge, Attitudes, and Practices. Healthcare 2016;4(4):79. <https://doi.org/10.3390/healthcare4040079>
6. **Boaz M, Rychani L, Barami K et al.** Nurses and nutrition: a survey of knowledge and attitudes regarding nutrition assessment and care of hospitalized elderly patients. J Contin Educ Nurs 2013;44(8):357-364. <https://doi.org/10.3928/00220124-20130603-89>
7. **You LM, Aiken LH, Sloane DM et al.** Hospital nursing, care quality, and patient satisfaction: cross-sectional surveys of nurses and patients in hospitals in China and Europe. Int J Nurs Stud 2013;50(2):154-161. <https://doi.org/10.1016/j.ijnurstu.2012.05.003>